TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 91/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-11-2018
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Huy

- *Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Nguyễn Đại Hải
2. Bà Phan Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Triều là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2018/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 9 năm 2018, về "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị H**, sinh năm: 1981
Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố Lợi Thọ, phường Cam Lợi, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

Bị đơn: Anh **Võ Đức T**, sinh năm: 1975
Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố Lợi Thọ, phường Cam Lợi, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2018, bản tự khai ngày 01/10/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày: Chị và anh T có thời gian tìm hiểu nhau được 02 năm, được sự đồng ý của hai gia đình, có tổ chức cưới hỏi và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn Ba Ngòi, huyện C (nay là thành phố C), tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 46, quyển số 01, cấp ngày 16/02/2000.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân anh T thường xuyên uống rượu bia, không lo cho gia đình, chị có khuyên can thì anh chửi mắng, đánh đập, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vả không thể hòa giải, chị đã cố gắng tìm giải pháp khắc phục nhưng không thể hàn gắn được, nay chị thấy tình cảm của chị với anh T không còn nữa, cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài được nữa nên chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Đức T.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là: Võ Bùi Phương N, sinh ngày: 03/6/2000; Võ Đức Nguyên P, sinh ngày: 28/9/2007.

Chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phúc và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Võ Bùi Phương N đã đủ tuổi trưởng thành, chị H không có yêu cầu. Hiện nay chị làm nghề làm tóc, thu nhập bình quân mỗi tháng 6.000.000 đồng đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai.

Tại bản tự khai ngày 02/10/2018, bị đơn anh Võ Đức T trình bày: Về quá trình tìm hiểu đúng như chị H đã khai. Trong quá trình chung sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng khoảng vài tháng nay vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau và thường xuyên cải vả. Chị H yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì muốn vợ chồng hàn gắn nuôi dạy con cái, anh cần có thời gian tìm cách khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung đúng như chị H đã trình bày, anh yêu cầu trong trường hợp ly hôn, anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Võ Đức Nguyên P và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Võ Bùi Phương N đã đủ tuổi trưởng thành, anh không có yêu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa để tham gia hòa giải và xét xử, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H; Về con chung: Chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Võ Đức Nguyên P, sinh ngày 28/9/2007 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia

đình nên chấp nhận. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Không có. Chị H phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, trừ vào tiền tạm ứng án phí.

Tài liệu chứng cứ trong trong hồ sơ vụ án:

Giấy chứng nhận kết hôn số: 46, quyển số 01cấp ngày 16/02/2000 của UBND thị trấn Ba Ngòi.

Giấy khai sinh mang tên Võ Bùi Phương N, Võ Đức Nguyên P.

Chứng minh nhân dân mang tên Bùi Thị H.

Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Võ Đức T.

Đơn nguyện vọng của cháu Võ Đức Nguyên P.

Biên bản xác minh ngày 02/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Võ Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[1.2] Chị Bùi Thị H yêu cầu ly hôn anh Võ Đức T. Yêu cầu của chị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị H và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn Ba Ngòi, huyện C (nay là thành phố C), tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 46, quyển số 01 cấp ngày 16/02/2000. Do đó, hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Chị H yêu cầu được ly hôn anh T vì chị thấy cuộc sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vả, chị đã cố gắng tìm mọi giải pháp nhưng trong một thời gian dài vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không còn hạnh phúc. Tuy vợ chồng còn chung sống với nhau chung một nhà nhưng thời gian qua từ khi tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay, giữa chị H và anh T vẫn còn mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Tại phiên tòa hôm nay chị kiên quyết ly hôn vì chị không còn tình cảm với anh T. Anh T thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn bất đồng quan điểm và thường xuyên kình cãi, anh không đồng ý ly hôn vì muốn vợ chồng hàn gắn nuôi dạy con cái, anh cần có thời gian tìm cách khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên trong thời gian qua giữa anh và chị H cũng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm và cuộc sống hôn nhân đi vào bế tắt, anh cũng không tham gia phiên hòa hòa giải, điều đó chứng tỏ anh thờ ơ, bỏ mặc quan hệ hôn nhân giữa anh và chị H. Tại biên bản xác minh ngày 02/10/2018, chính quyền địa phương cho biết: "Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chính quyền địa phương không nắm rõ, anh

T thường xuyên đi đi, về về".

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị H yêu cầu được ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Võ Bùi Phương N, sinh ngày: 03/6/2000; Võ Đức Nguyên Phúc, sinh ngày 28/9/2007. Chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phúc và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm nghề làm tóc, thu nhập bình quân mỗi tháng 6.000.000 đồng.

Anh T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Võ Đức Nguyên P, sinh ngày 28/9/2007 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh làm tài xế lái xe nhưng anh không cung cấp chứng cứ cho Tòa án về điều kiện thu nhập và nuôi con, tại phiên tòa hôm nay anh vắng không có lý do nên không rõ yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

Riêng cháu Võ Bùi Phương N, sinh ngày: 03/6/2000 đã đủ 18 tuổi, chị H và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Xét: Việc giao con chung cho ai nuôi phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Cháu Võ Đức Nguyên P, sinh ngày 28/9/2007 hiện nay còn nhỏ, cần có sự chăm sóc chu đáo từ người mẹ, hơn nữa anh T nghề nghiệp lái xe khó có điều kiện để quan tâm chăm sóc con và cháu P có nguyện vọng được chung sống với chị H. Do đó, chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Võ Đức Nguyên P là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của cháu Phúc và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.3] V*ề cấp dưỡng nuôi con*: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung*: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.5] *Về án phí*: Chị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Võ Đức T.

2. Về con chung: Chị Bùi Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu: Cháu Võ Đức Nguyên P, sinh ngày 28/9/2007.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị H về việc không yêu cầu anh Võ Đức T cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị H và anh Võ Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị H nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về "ly hôn" nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Chị H đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000072 ngày 13/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Chị Bùi Thị H đã nộp đủ.

Chị Bùi Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Võ Đức T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- UBND phường Cam Linh, thành phố C
- Lưu hồ sơ, án văn

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Huy